TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 25-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đào Văn Nô;

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình C, sinh năm 1980 tại: B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: Khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Phù Thị H, sinh năm 1944; có vợ Lê Thị P, sinh năm 1984; có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-8-2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh C; tạm trú: Nhà trọ U, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh **B**; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Chế L, sinh năm 1996; vắng mặt;

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1978; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình C và Trịnh Minh T là người buôn bán hàng rong trên địa bàn phường Khánh Bình, thị xã T, tỉnh B.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15-3-2018, T điều khiển xe mô tô kéo theo rơ moóc (xe lôi tự chế) chở trái cây đến trước khu vực cổng Công ty P thuộc khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B để bán. Khi đến trước khu vực cổng Công ty P, T đậu xe lôi cách cổng khoảng 10-15 mét, lúc này ở đây cũng có nhiều người bán hàng rong đậu xe dàn thành một hàng trước cổng Công ty. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, C điều khiển xe lôi tự chế chở trái cây (ổi) đến trước khu vực cổng Công ty P để bán, khi đến C thấy có một vị trí trống đối diện hướng ra của công nhân nên C điều khiển xe lôi đậu vào vị trí đó nhưng khi đậu thì xe của C lại chắn phía trước xe của T, chỉ chừa một khoảng cách nhỏ để ra vào. Thấy C đậu xe như vậy khiến cho khách không thể đi vào mua trái cây của mình nên T nói với C "Mày đậu xe vậy coi được không, đậu vậy ai mà bán được", C không nói gì và bỏ đi tìm miếng xốp để ghi bán ổi. Sau khi xin được miếng xốp, C quay lại xe của mình, lúc này T lớn tiếng nói với C "Mày đậu như vậy bao nhiêu lần rồi giờ lại đậu như vậy nữa". Nghe vậy, C nói "Bây giờ chỗ này là cổng Công ty, ai đến trước thì đậu trước, tao đậu như vậy chưa có động chạm gì vào xe của mày sao mày chửi tao, bây giờ tao không đi thì mày làm gì tao". Lúc này, T và C phát sinh cự cãi lớn tiếng với nhau, do bực tức nên T lao đến dùng tay trái kẹp vào cổ của Chất, tay phải đánh vào vị trí gần tai phải của C khoảng 03 cái. Sau đó, C vùng thoát ra được rồi chạy lại xe lôi của Clấy 01 thanh kim loại ống vuông dài khoảng 60cm dùng để chống xe lôi của C quay lại đánh nhau với T, T cũng chạy lại xe lôi của T lấy ra 01 thanh kim loại dẹp có bọc giấy báo bên ngoài dài khoảng 70cm rồi cầm ở tay phải để đánh nhau với Chất. Lúc này, Ccầm thanh kim loại bằng tay phải rồi chạy đến vị trí của T đang đứng, thấy vậy T lùi lại thì bị vấp vào bánh xe lôi nên ngã xuống đất, C lao đến dùng thanh kim loại đánh từ trên xuống đánh khoảng 02 - 03 cái trúng vào lưng và bắp tay bên phải của T. T định đứng dậy thì C cầm hung khí đánh thêm 01 cái nữa trúng vào khuỷu tay trái của T. T đứng dậy lao đến đánh C nên C lùi lại nhưng bị vấp ngã, T lao đến dùng thanh kim loại dẹp đánh, C đưa thanh kim loại đang cầm trên tay đỡ thì bị T giật luôn thanh kim loại đó rồi tiếp tục dùng thanh kim loại đang cầm ở tay đánh 03 cái trúng vào tay trái, lưng và chân trái của C đồng thời dùng chân đá vào người của C 01 cái nữa rồi đi ra xe của mình để về. Khi T bỏ đi ra xe thì C chạy chặn đầu xe yêu cầu T trả lại cho C thanh kim loại mà T giật được từ tay của C nhưng T không đưa cho C mà T đưa thanh kim loại trên cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) bán trái cây gần đó để người này trả lại cho C rồi điều khiển xe đi về phòng trọ của mình. Khi về đến phòng trọ, T thấy khuỷu tay trái chảy nhiều máu nên T đến Bệnh viện đa khoa VP 2 để điều trị thì biết mình bị gãy hở mõm khuỷu tay trái.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, T đến Công an phường K trình báo sự việc. Đến ngày 04 tháng 4 năm 2018, T có đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu xử lý đối với hành vi của C. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường K xác lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T, tỉnh B điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 257/2018/GĐPY ngày 10-7-2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B kết luận Trịnh Minh T có thương tích: Vết xước da 1/3 trên mặt ngoài cánh tay phải kích thước 2x0,2cm, đã lành; vết thương mặt sau khuỷu tay trái 4x0,5cm, sẹo lành. Gãy mõm khuỷu tay trái, đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11%.

Đối với 02 thanh kim loại mà C và T đã sử dụng gây thương tích cho nhau vào ngày 15-3-2018, C và T đã làm mất, hiện không nhớ để ở đâu. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành thu giữ vật chứng nhưng không thành.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trịnh Minh **T** đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng nên bị hại không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chất.

Cáo trạng số 17/CT-VKS.TU ngày 24-01-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh **B** đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình **C** về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C mức hình phạt từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo **C** đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo đã sai và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đình C tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như thương tích thực tế của bị hại. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 15-3-2018, tại khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã T, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Đình C có hành vi dùng 01 thanh kim loại dài khoảng 60cm (hung khí nguy hiểm) làm hung khí đánh ông Trịnh Minh T gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 11% (Mười một phần trăm). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung là "dùng hung khí nguy hiểm" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình C về tội cố ý gây thương tích là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, hiểu rõ khi dùng thanh kim loại dài khoảng 60cm đánh vào những vị trí trên cơ thể của bị hại thì khả năng gây tổn hại sức khỏe cho bị hại là rất cao. Bị cáo và bị hại ông Trịnh Minh T có mâu thuẫn nhưng không lớn nhưng bị cáo lại gây thương tích cho bị hại thể hiện tính xem thường pháp luật. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội có thái độ **T**nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có một phần lỗi và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-8-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp